

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Thực hiện Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa 02 thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (đính kèm phương án).

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính sau khi được Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét, xử lý kết quả rà soát đối với các thủ tục hành chính nêu trên.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ TTTT (xem xét, xử lý);
- Bộ LĐTBXH (xem xét, xử lý);
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

*ant*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*nam*

**Lâm Hoàng Nghiệp**



# **PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG TẠI CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1977 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

## **I. Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử**

### **01. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

#### **1.1. Nội dung đơn giản hóa**

##### *Về thành phần hồ sơ*

- Đề nghị điều chỉnh thành phần hồ sơ từ “Bản sao có chứng thực giấy đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng” thành “bản sao giấy đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng”

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là “Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng”.

*Lý do:* Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, do đó có thể kiểm tra, đối chiếu và xác thực thông tin trên bản sao Giấy đăng ký kinh doanh, mà không cần người dân phải thực hiện chứng thực hồ sơ, giấy tờ.

Đồng thời, trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có cung cấp thông tin số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể tra cứu các thông tin của cá nhân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo thông tin được ghi trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận, phục vụ hiệu quả việc khai thác cơ sở dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ, tạo thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp, cắt giảm giấy tờ và giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

#### **1.2. Kiến nghị thực thi**

Đề nghị sửa đổi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet.

*(Trong đó: điều chỉnh điểm b khoản 1 Điều 35b và bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 35b, được bổ sung tại Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ).*

#### **1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 2.156.490 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 1.491.390 đồng/năm;
  - Chi phí tiết kiệm được: 665.100 đồng/năm;
  - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,80%.
-

## **II. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**

**01. Thủ tục: Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay thế nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

### **1.1. Nội dung đơn giản hóa**

*Về mẫu đơn, tờ khai:* Kiến nghị bổ sung quy định mẫu đơn, mẫu tờ khai Văn bản đề nghị (hay Giấy đề nghị chuyển việc chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng sang nơi cư trú mới).

*Lý do:* Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, không quy định cụ thể mẫu đơn, mẫu tờ khai đối với thủ tục hành chính này.

### **1.2. Kiến nghị thực thi**

Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét bổ sung cụ thể mẫu đơn, mẫu tờ khai văn bản đề nghị.

### **1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa**

*(Giả sử bình quân trong năm có 20 cá nhân thực hiện thủ tục này tại 01 đơn vị cấp huyện)*

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 2.420.400 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 1.774.960 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm được: 645.440 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,60%.